

Bản án số: 29/2017/HSST
Ngày 26/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh và ông Đặng Minh Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông: Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 32/2017/LTST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo: Trần Văn D, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; nơi ĐKNKTT: Thôn 02, xã T, huyện C, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Thôn 16, xã H, thành phố B, tỉnh L; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 2/12; con ông Trần Văn T (đã chết) và con bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1946; vợ: Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2017, hiện đang bị tạm gia tại Nhà tạm giữ Công an huyện K – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Chị Trương Thị S. Sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Văn H; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh L.

3.2. Anh Phạm Tuấn A. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 126/99/6 đường Y, thành phố B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 05/08/2016 Trần Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60S2 – 2274 chở Trần Văn H từ phòng trọ của D (thôn 16, xã H, thành phố B, tỉnh L) đến phòng trọ của Trần Văn L (L là em trai của D) tại tổ 6, thị trấn ĐM, huyện K, tỉnh Đ chơi. Khi D và H đến phòng trọ của Trần Văn L, lúc này L gọi điện thoại

cho anh Trần Đình N (bạn của L; thôn N, xã Đ, huyện K) đến và cùng nhau uống rượu tại phòng trọ của L. Trong lúc uống rượu, L và D nhắc đến việc mâu thuẫn với anh Ngụ Đình C (thôn 1, xã T, huyện C, tỉnh Đ) anh C hiện đang ở nhà chị Nguyễn Thúy Q (vợ cũ của L) tại thôn J, xã Đ, huyện K. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày D rủ H và L đi tìm anh Cường để đánh, thì được H và L đồng ý, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60S2 – 2274 chở D, L một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60M9 – 2389 đi đến nhà chị Nguyễn Thúy Q tìm anh C. Khi đi đến trước nhà chị Q (thôn J, xã Đ), H và D dừng lại quan sát tìm anh C, còn L đi tiếp vào hướng xã Đ để rủ anh Lý Hùng T (thôn Q, xã Đ, bạn của L) cùng đánh anh C. Quan sát không thấy anh C ở nhà chị Q, D gọi điện thoại cho L để L quay trở lại. H chở D trên quốc lộ 28 theo hướng xã Đ khi đến cầu 24 thuộc thôn J, xã Đ thì dừng lại chờ L ra. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L đến cầu 24 gặp H và D thì cùng nhau đứng tại cầu nói chuyện.

Cùng thời gian này, chị Trương Thị S (thôn N, xã Đ, huyện K) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48C1-130.05 chở cháu Đỗ Trương Thế A (sinh năm 2006, con trai chị S) đi từ hướng xã Đ ra Bệnh viện đa khoa huyện K để thăm anh Đỗ Xuân C (chồng chị S) đang bị ốm. Thấy mẹ con chị S đi ngang qua, D nói H điều khiển xe mô tô chở D chạy theo, L vẫn đứng tại cầu 24 hút thuốc. H chở D chạy phía sau xe của chị S đến giữa đèo 24, thuộc thôn Jang Cách, xã Đắc Drô thì D bảo H điều khiển xe chạy vượt lên ép và chặn đầu xe của chị S vào lề đường bên phải buộc chị S phải dừng lại. D xuống xe và tiến đến trước đầu xe chị S rồi chỉ tay vào mặt chị S và quát “*Mày đi xe cá lóc hả, mày thích đánh võng hả*”, chị S trả lời “*chị có gì sai cho chị xin lỗi, chồng chị đang nằm ở bệnh viện*”. D dùng tay tát mạnh vào mặt của chị S hai cái và kéo túi đồ đang để phía trước gác ba ga xe của chị S xuống đất. Bị tát, chị S lo sợ cùng con trai xuống xe và đứng lùi lại xin D, D lấy trong túi đang đeo trước người ra một chiếc điện thoại di động (do trời tối chị S không xác định được vật gì), thấy vậy chị S sợ hãi rút chìa khóa xe mô tô và cùng con trai chạy bộ ngược xuống dốc đèo 24 theo đường quốc lộ 28 về hướng xã Đ, chạy cách vị trí xe khoảng 3-4 m thì có một người (chưa xác định được nhân thân) điều khiển xe mô tô đi từ hướng thị trấn ĐM về xã Đ nên chị S ra hiệu dừng lại để nhờ giúp đỡ nhưng không được, chị S lấy điện thoại ra gọi cho người nhà để nhờ giúp đỡ thì D nói to “*mày điện ai đó*”, chị S nói “*Chị điện cho người nhà, chị có người quen ở gần đây để ra xin lỗi chú*” rồi tiếp tục chạy xuống dốc đèo 24. Khi chị S cách vị trí chiếc xe của mình khoảng 80m thì gặp L điều khiển xe mô tô từ phía cầu 24 lên, chị S chặn xe của L lại chỉ tay và nói với L “*chú ơi, chú giúp chị lấy lại chiếc xe với, chị bị hai người đàn ông trên kia lấy xe rồi*”, L trả lời “*em sợ lắm*”. Trong lúc chị S đang nói chuyện với L thì D lấy cờ lê số 8 và một thanh sắt lục giác được mài mỏng một đầu thường gọi là “*vam phá khóa*” mở yên xe để tìm tài sản, thấy không có gì D tiếp tục mở khóa điện. Sau khi mở được khóa điện D nói H điều khiển xe của chị S còn D điều khiển xe của D chạy ra huyện Cư Jút theo quốc lộ 28. Nghe tiếng nổ và thấy xe của mình bị lấy đi, chị S nói với L “*chú đuổi giúp chị xem có lấy lại được chiếc xe không*” nên L điều khiển xe mô tô đuổi theo, khi đi cách đoạn dốc đèo 24 khoảng 02 km, qua ánh đèn xe mô tô L thấy người điều khiển xe đi phía trước có hình dáng giống H nên nghĩ H và D là người lấy xe của chị S, vì vậy L không đuổi theo nữa. D và H điều khiển xe đến chợ đầu mối xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút thì dừng lại ngồi uống cà phê, sau đó D ngồi ở quán cà phê với bạn, H điều khiển chiếc xe mô tô đã lấy của chị S về để ở phòng trọ của D rồi H đi chơi game. Khoảng 23 giờ 05/08/2016, D về đến phòng trọ tại thôn 16, xã H, thành

phố B, tỉnh L và cùng H đưa chiếc xe mô tô lấy được của chị S vào trong phòng ngủ của D để tháo biển số, tháo giá đỡ đèn (gác ba ga) và cất giấu, D nói với H sẽ bán chiếc xe lấy tiền cùng nhau tiêu xài, H đồng ý. Sáng ngày 06/08/2016, H và D cùng nhau bỏ trốn. Trong quá trình chạy trốn, D đã cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S2-2274 cho anh Phạm Tuấn Anh (số 126/99/06 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh L) với giá 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Ngày 12/08/2016, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K phát hiện bắt khẩn cấp đối với Trần Văn H, Trần Văn D sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/8/2016 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K khởi tố bị can, ngày 31/8/2016 ra lệnh truy nã đối với Trần Văn D, ngày 16/6/2017 Trần Văn D bị bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá số 26/BB – KLĐG ngày 10/08/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn Đen-Trắng; số khung: RLCS5 6H0EY097047; số máy: 5C6H097045; biển số 48C1-130.05 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 05/08/2016 có giá trị 16.553.000đ (*mười S triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài do bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A yêu cầu bị cáo Trần Văn D bồi thường 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) là số tiền D đã cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S2- 2274 cho anh Phạm Tuấn A.

Cáo trạng số 28/CTr-VKS, ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án số 10/2017/HSST ngày 8/03/2017.

Đối với Trần Văn L đã phát hiện người thanh niên điều khiển xe mô tô có hình dáng giống Trần Văn H và nghi ngờ H và D đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng không báo cho cơ quan Công an, việc nhận định của L chỉ mang tính chất suy đoán nên không phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Cướp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 04 đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải hoàn trả anh Phạm Tuấn A số tiền 3.000.000 đồng.

Người bị hại chị Trương Thị S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius; màu sơn Đen-Trắng, số khung: RLCS5 6H0EY097047, số máy: 5C6H097045; 01 (Một) biển kiểm soát 48 C1-130.05; 01 (Một) giá đỡ (gác ba ga) ở sườn xe màu đen; 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001435; 01 (Một) chìa khóa xe mô tô. Đã

được xử L theo bản án số 10/2017/HSST ngày 8/03/2017 của tòa án nhân dân huyện K. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) giỏ sắt (giỏ kiểu) của xe mô tô, màu Đen; 01 (Một) túi Da màu Nâu, có dây đeo phía trên; 01 (Một) chùm chìa khóa gồm 04 chìa bằng sắt; 04 (Bốn) Sim điện thoại; 03 (Ba) khẩu trang; 02 (Hai) miếng nhựa màu: Trắng đục (vỏ xe mô tô); 02 (Hai) miếng nhựa màu: Đỏ-Đen-Trắng, có chữ WAVE-110 (vỏ xe mô tô); 01 (Một) miếng nhựa màu: Đỏ, có in chữ : Hon - Da, WAVE RS 110. 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOVO, model: NV7H6, màn hình đã vỡ, màu Đen-Trắng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu: GUESS-NO:4132, quai bằng Da màu Đen- Xám đã bị đứt; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu: LIFAN màu sơn: Đen; số khung: VT- 003487, số máy: FMG - 3-20275802, biển kiểm soát 60S2- 2274, xe đã qua sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận bổ sung, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Trần Văn D sau khi dùng tay tát vào mặt chị Trương Thị S hai cái mặc dù không để lại thương tích nhưng đã làm chị S sợ hãi bỏ chạy và để lại tài sản. Lợi dụng chị S không có khả năng chống cự bị cáo đã chiếm đoạt 01 xe mô tô có nhãn hiệu Yamaha-Sirius biển kiểm soát 48C1-130.05 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 16.553.000đ (*mười sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn D đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

Điều 133 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm”.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra:

3.1. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, quyền nhân thân của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác biết tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

3.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với vai trò là người khởi xướng, xúi giục Trần Văn H là người chưa thành niên phạm tội, do đó hành vi của bị cáo D thuộc trường hợp “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

3.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Phạm Tuấn Anh về việc buộc bị cáo Trần Văn D phải trả số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà bị cáo đã cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60S2- 2274. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra đã chứng minh được khi nhận cầm cố, anh Tuấn Anh không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo D trộm cắp mà có nên anh Tuấn Anh yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền là có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận trả lại anh Phạm Tuấn Anh số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[5]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius; màu sơn Đen-Trắng, số khung: RLCS5 6H0EY097047, số máy: 5C6H097045; 01 (Một) biển kiểm soát 48 C1-130.05; 01 (Một) giá đỡ (gác ba ga) ở sườn xe màu đen; 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001435; 01 (Một) chìa khóa xe mô tô. Đã được xử lý theo bản án số 10/2017/HSST ngày 8/03/2017 của tòa án nhân dân huyện K.

Đối với 01 (Một) giỏ sắt (giỏ kiểu) của xe mô tô, màu Đen; 01 (Một) túi Da màu Nâu, có dây đeo phía trên; 01 (Một) chùm chìa khóa gồm 04 chìa bằng sắt; 04 (Bốn) Sim điện thoại; 03 (Ba) khẩu trang; 02 (Hai) miếng nhựa màu: Trắng đục (vỏ xe mô tô); 02 (Hai) miếng nhựa màu: Đỏ-Đen-Trắng, có chữ WAVE-110 (vỏ xe mô tô); 01 (Một) miếng nhựa màu: Đỏ, có in chữ : Hon - Da, WAVE RS 110. 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOVO, model: NV7H6, màn hình đã vỡ, màu Đen-Trắng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu: GUESS-NO:4132, quai bằng Da màu Đen- Xám đã bị đứt xét thấy không còn giá trị sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu: LIFAN màu sơn: Đen; số khung: VT- 003487, số máy: FMG - 3-20275802, biển kiểm soát 60S2- 2274, xe đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] . Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 03(Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải hoàn trả anh Phạm Tuấn Anh số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử L vật chứng:

3.1. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius; màu sơn Đen-Trắng, số khung: RLCS5 6H0EY097047, số máy: 5C6H097045; 01 (Một) biển kiểm soát 48 C1-130.05; 01 (Một) giá đỡ (gác ba ga) ở sườn xe màu đen; 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 001435; 01 (Một) chìa khóa xe mô tô. Đã được xử L theo bản án số 10/2017/HSST ngày 8/03/2017 của tòa án nhân dân huyện K.

3.2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) giỏ sắt (giỏ kiểu) của xe mô tô, màu Đen; 01 (Một) túi Da màu Nâu, có dây đeo phía trên; 01 (Một) chùm chìa khóa gồm 04 chìa bằng sắt; 04 (Bốn) Sim điện thoại; 03 (Ba) khẩu trang; 02 (Hai) miếng nhựa màu: Trắng đục (vỏ xe mô tô); 02 (Hai) miếng nhựa màu: Đỏ-Đen-Trắng, có chữ WAVE-110 (vỏ xe mô tô); 01 (Một) miếng nhựa màu: Đỏ, có in chữ : Hon - Da, WAVE RS 110. 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOVO, model: NV7H6, màn hình đã vỡ, màu Đen-Trắng; 01 (Một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu: GUESS-NO:4132, quai bằng Da màu Đen- Xám đã bị đứt. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu: LIFAN màu sơn: Đen; số khung: VT- 003487, số máy: FMG - 3-20275802, biển kiểm soát 60S2- 2274, xe đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn D pH nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 –

Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Sở TP tỉnh Đ;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Công an huyện K;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

LÊ THỊ TÍM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Công an huyện K;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện K;
- Các Bị cáo;
- Những người
tổ tụng;
sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

tham gia
- Lưu hồ

Quách Trọng Sơn